TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT P** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2021/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 15 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1987

HKTT: Nhà C9, tập thể K, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1984

HKTT: Thôn X, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Trịnh Hoài P, sinh ngày 07/10/2007 và cháu Trịnh NA, sinh ngày 17/9/2012. Cháu P và cháu NA là con của chị N và anh Đ. Người giám hộ cho cháu P và cháu NA là chị N, anh Đ.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07/6/2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Trịnh Văn Đ.

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Trịnh Văn Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh Đ có hai con chung là cháu Trịnh Hoài P, sinh ngày 07/10/2007 và cháu Trịnh NA, sinh ngày 17/9/2012. Chị N và anh Đ thỏa thuận giao cháu P cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu NA cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N và anh Đ không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh Đ và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức và đất ruộng nông nghiệp: Chị N và anh Đ tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị N tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000652 ngày 05 tháng 3 năm 2021, chị N đã nộp đủ tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) chị N tự nguyện sung công quỹ Nhà nước.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự
- Viện kiểm sát huyện V
- Chi cục THA huyện V
- UBND xã C
- Lưu Hs vụ án

THẨM PHÁN

Trần Hoàng L